

Số: 22/2025/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 31**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ



lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 990/BC-KTNS ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 256/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với nội dung như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 1

“Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương (tỉnh, xã) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*)”.

2. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 1

“a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các xã sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”.

3. Tại các Điều 5, 6, 8: Loại bỏ yêu cầu cấp huyện trong tổ chức thực hiện vốn đối ứng.

4. Sửa đổi Điều 7

“Điều 7. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách xã

1. Các xã theo danh sách chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo: Hằng năm, trên cơ sở khả năng ngân sách địa phương để cân đối bố trí thêm thực hiện Chương trình.

2. Các xã theo danh sách chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo: Hằng năm ngân sách địa phương đối ứng bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

3. Các xã theo danh sách chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo: Hằng năm ngân sách địa phương đối ứng bằng 1,5 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.

4. Các xã, phường theo danh sách chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo: Hằng năm ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu gấp 3 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình.”

5. Bổ sung Điều 9

“Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nội dung, nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định hỗ trợ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục triển khai theo các nội dung đã được phê duyệt.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Lại Thế Nguyên

PHỤ LỤC 01:
DANH SÁCH CÁC XÃ HÀNG NĂM, TRÊN CƠ SỞ KHẢ NĂNG
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ CÂN ĐỐI BỐ TRÍ THÊM NGUỒN VỐN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên xã/phường
1	Xã Linh Sơn
2	Xã Đồng Lương
3	Xã Văn Phú
4	Xã Giao An
5	Xã Yên Khương
6	Xã Yên Thắng
7	Xã Bá Thước
8	Xã Thiết Ống
9	Xã Văn Nho
10	Xã Cổ Lũng
11	Xã Pù Luông
12	Xã Điền Lư
13	Xã Điền Quang
14	Xã Quý Lương
15	Xã Hồi Xuân
16	Xã Hiền Kiệt
17	Xã Nam Xuân
18	Xã Phú Lệ
19	Xã Phú Xuân
20	Xã Thiên Phú
21	Xã Trung Sơn
22	Xã Trung Thành
23	Xã Thường Xuân
24	Xã Luận Thành
25	Xã Tân Thành
26	Xã Xuân Chinh
27	Xã Thắng Lộc
28	Xã Yên Nhân
29	Xã Vạn Xuân
30	Xã Bát Mọt
31	Xã Lương Sơn
32	Xã Mường Lát
33	Xã Mường Chanh
34	Xã Mường Lý



35	Xã Nhi Sơn
36	Xã Phú Nhi
37	Xã Quang Chiểu
38	Xã Tam Chung
39	Xã Trung Lý
40	Xã Quan Sơn
41	Xã Mường Mìn
42	Xã Na Mèo
43	Xã Sơn Điện
44	Xã Tam Thanh
45	Xã Tam Lư
46	Xã Trung Hạ
47	Xã Sơn Thủy

PHỤ LỤC 2:
DANH SÁCH XÃ HÀNG NĂM NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG
BẢNG TỔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

*(Kèm theo Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên xã/phường
1	Xã Như Xuân
2	Xã Thanh Phong
3	Xã Hóa Quý
4	Xã Thanh Quân
5	Xã Thượng Ninh
6	Xã Xuân Bình

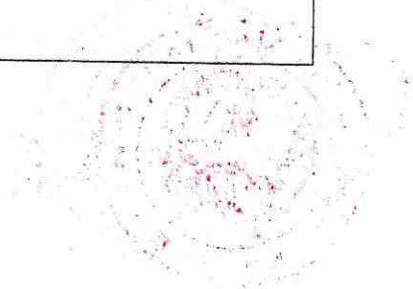
PHỤ LỤC 3:
DANH SÁCH XÃ HÀNG NĂM NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG
BẢNG 1,5 LẦN TỔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên xã/phường
1	Xã Kim Tân
2	Xã Vân Du
3	Xã Ngọc Trạo
4	Xã Thạch Bình
5	Xã Thạch Quảng
6	Xã Thành Vinh
7	Xã Cẩm Thủy
8	Xã Cẩm Thạch
9	Xã Cẩm Tân
10	Xã Cẩm Vân
11	Xã Cẩm Tú
12	Xã Ngọc Lặc
13	Xã Thạch Lập
14	Xã Kiên Thọ
15	Xã Minh Sơn
16	Xã Ngọc Liên
17	Xã Nguyệt Ấn
18	Xã Như Thanh
19	Xã Xuân Du
20	Xã Mậu Lâm
21	Xã Thanh Kỳ



22	Xã Xuyen Thoi
23	Xã Quan Thai



PHỤ LỤC 4:
DANH SÁCH XÃ, PHƯỜNG HẸM NĂM NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI
ỨNG TỐI THIỂU GẤP 3 LẦN TỔNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH



(Kèm theo Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên xã/phường
1	Phường Hạc Thành
2	Phường Quảng Phú
3	Phường Đông Quang
4	Phường Hàm Rồng
5	Phường Nguyệt Viên
6	Phường Đông Sơn
7	Phường Đông Tiến
8	Phường Sầm Sơn
9	Phường Nam Sầm Sơn
10	Phường Bỉm Sơn
11	Phường Quang Trung
12	Phường Ngọc Sơn
13	Phường Tân Dân
14	Phường Hải Lĩnh
15	Phường Tĩnh Gia
16	Phường Đào Duy Từ
17	Phường Hải Bình
18	Phường Trúc Lâm
19	Phường Nghi Sơn
20	Xã Các Sơn
21	Xã Trường Lâm



22	Xã Hà Trung
23	Xã Tĩnh Toại
24	Xã Hoạt Giang
25	Xã Hà Long
26	Xã Tống Sơn
27	Xã Nga Sơn
28	Xã Hồ Vương
29	Xã Ba Đình
30	Xã Nga An
31	Xã Nga Thắng
32	Xã Tân Tiến
33	Xã Hậu Lộc
34	Xã Triệu Lộc
35	Xã Đông Thành
36	Xã Hoa Lộc
37	Xã Vạn Lộc
38	Xã Hoằng Hóa
39	Xã Hoằng Lộc
40	Xã Hoằng Thanh
41	Xã Hoằng Sơn
42	Xã Hoằng Châu
43	Xã Hoằng Giang
44	Xã Hoằng Tiến
45	Xã Hoằng Phú
46	Xã Lưu Vệ
47	Xã Quảng Ninh
48	Xã Quảng Bình
49	Xã Quảng Chính



50	Xã Quảng Ngọc
51	Xã Tiên Trang
52	Xã Quảng Yên
53	Xã Nông Công
54	Xã Thăng Bình
55	Xã Thăng Lợi
56	Xã Tượng Lĩnh
57	Xã Trường Văn
58	Xã Trung Chính
59	Xã Công Chính
60	Xã Triệu Sơn
61	Xã Tân Ninh
62	Xã An Nông
63	Xã Đồng Tiến
64	Xã Hợp Tiến
65	Xã Thọ Bình
66	Xã Thọ Ngọc
67	Xã Thọ Phú
68	Xã Thọ Xuân
69	Xã Sao Vàng
70	Xã Lam Sơn
71	Xã Thọ Long
72	Xã Thọ Lập
73	Xã Xuân Tín
74	Xã Xuân Lập
75	Xã Xuân Hòa
76	Xã Yên Định
77	Xã Yên Trường



78	Xã Yên Phú
79	Xã Quý Lộc
80	Xã Yên Ninh
81	Xã Định Hòa
82	Xã Định Tân
83	Xã Thiệu Hóa
84	Xã Thiệu Trung
85	Xã Thiệu Quang
86	Xã Thiệu Tiến
87	Xã Thiệu Toán
88	Xã Vĩnh Lộc
89	Xã Tây Đô
90	Xã Biện Thượng